

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST

Ngày 27/7/2022.

(V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Hiến và ông Hoàng Quốc Trị.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Mai Thị Y, sinh năm 1996, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Nguyễn Chí Th, sinh năm 1989, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Chị Y vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị Y trình bày: Tôi và anh Nguyễn Chí Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được UBND xã G, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/7/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn 5, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th thường xuyên chơi bời, không tu chí làm

ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Th không thay đổi khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, tình cảm rạn nứt, vợ chồng sống không còn tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Chí Th.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung với nhau là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/01/2019. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho tôi mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2022, bị đơn anh Nguyễn Chí Th trình bày: Việc tìm hiểu, kết hôn, cuộc sống chung giữa tôi và cô Y đúng như những gì cô Y đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại thôn 5, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2022 thì cô Y bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và đòi ly hôn với tôi, tôi cũng không biết vì nguyên nhân gì khiến cô Y đòi ly hôn với tôi. Do đó tôi không đồng ý ly hôn với cô Y, tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng tôi quay về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên sau đó anh Th đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau một con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/01/2019. Nếu phải ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Đ cho cô Y trực tiếp nuôi dưỡng và tôi sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với cô Y nếu cô Y có yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Mai Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Chí Th; về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho chị Y tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Chí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Mai Thị Y phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp. Anh Nguyễn Chí Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Chí Th có địa chỉ tại thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Mai Thị Y và anh Nguyễn Chí Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn 5, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của chị Y cũng như qua xác minh tại cơ sở là do anh Th thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn, ít quan tâm tới gia đình, vợ con. Mặc dù chị Y đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Th không thay đổi khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, tình cảm rạn nứt, vợ chồng sống không còn tôn trọng nhau nữa. Chị Y khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh Th nữa. Bản thân anh Th cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì với nhau, anh không biết lý do chị Y xin ly hôn với anh nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Tuy anh Th mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nhưng lại vắng mặt tại

phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do đủ được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ anh Th không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mai Thị Y và anh Nguyễn Chí Th đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y. Xử cho chị Mai Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Chí Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Mai Thị Y và anh Nguyễn Chí Th có một con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/01/2019. Xét yêu cầu của chị Mai Thị Y muốn trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Do anh Th cũng có ý kiến đồng ý giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận đề nghị của chị Y, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho chị Mai Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là thỏa đáng. Về yêu cầu cấp dưỡng, bản thân anh Th là lao động tự do, tuy anh Th có ý kiến sẽ chấp nhận đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Y nếu chị Y có yêu cầu. Tuy nhiên mức cấp dưỡng mà chị Y đưa ra là khá cao so với lao động tự do trên địa bàn. Do đó chỉ chấp nhận một phần đề nghị của chị Y, buộc anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là thỏa đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị Mai Thị Y và anh Nguyễn Chí Th tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Mai Thị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Chí Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Mai Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Chí Th.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Mai Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Chí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0004018, ngày 24/02/2022. Anh Nguyễn Chí Th phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU QUỐC